

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Bản án số: 03/2020/HS-ST

Ngày 16 tháng 01 năm 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN HUYỆN QUỲ HỢP, TỈNH NGHỆ AN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Đạt.

Các Hội thẩm: Ông Lê Minh Tường.

Bà Trương Thị Giang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Vận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An:

Bà Trần Thị Huyền Trang: Kiểm sát viên:

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 65/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Văn C: Sinh năm 1985. Giới tính: Nam.

Trú tại: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Quốc tịch: Việt nam, Dân tộc: Thổ, Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 5/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông: Trương Văn D và con bà Nguyễn Thị H.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 11 năm 2019. Có mặt.

Người bị hại: Ông Lê Văn G: Sinh năm 1964.

Trú tại: Xóm Đ, xã Đ, huyện Q, Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn C: Sinh năm 1981.

Trú tại: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Lê Đình N, sinh năm 1977.

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện Quỳnh H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong tháng 10/2019, Trương Văn C được anh Lê Đình

N thuê làm thợ xây công trình nhà cho ông Lê Văn G, anh N là chủ thầu xây dựng nhà ông G, sau đó bị cáo C được ông G thuê trông coi vật liệu, lợi dụng lòng tin của ông G nên bị cáo trong một thời gian ngắn đã thực hiện 07 lần trộm cắp sắt thép tại công trình xây dựng nhà của gia đình ông Lê Văn G cụ thể:

Lần 1: Đêm ngày 29/10/2019, C đã trộm cắp 04 thanh thép tại công trình xây dựng của ông Lê Văn G. Sau đó đem bán cho Trần Văn C được số tiền 200.000đ. Theo kết luận định giá thì 04 thanh thép này có trị giá là 280.000đ.

Lần 2: Cách lần trộm thứ nhất là 2-3 ngày vào khoảng 12 giờ trưa, sau khi thợ xây về hết bị cáo C trộm 01 cuộn sắt phi 6 có 25 vòng cuộn vào nhau khối lượng 20 kg và 01 cuộn sắt phi 8 có 08 vòng cuộn vào nhau khối lượng 14 kg đem đến bán cho Trần Văn C, khi đến bị cáo bảo là thép thừa của gia đình nên đem đi bán, anh C đồng ý mua với giá là 100.000đ. Theo kết luận định giá thì số thép này có trị giá là 561.000đ.

Lần 3: Cách lần trộm thứ hai khoảng 2- 3 ngày cũng vào thời gian như lần 2, bị cáo C đã lấy trộm 01 lưỡi cưa đá bằng sắt hình tròn có đường kính 1,2m, dày 06 cm, bị khuyết 1/3 lưỡi cưa của ông G. Sau khi lấy được thì bị cáo C đem đến bán cho anh C và bảo là lưỡi cưa đã cũ được họ cho đem đi bán, nên anh C mua với giá 200.000đ. Theo kết luận định giá thì lưỡi cưa này có trị giá là 215.000đ.

Lần thứ 4: Cách lần trộm thứ ba khoảng 02 ngày, bị cáo C tiếp tục trộm 01 lưỡi cưa của ông G tại công trình xây dựng, lưỡi cưa đá bằng sắt hình tròn đường kính 1,4m, dày 06cm đã qua sử dụng, sau khi lấy được lưỡi cưa thì bị cáo C cũng đem đến bán cho anh C, anh C mua với giá là 300.000đ. Theo kết quả định giá lưỡi cưa này có giá trị 4.000.000đ.

Lần thứ 5: Cách lần trộm thứ 4 khoảng 1-2 ngày cũng vào thời gian như trên bị cáo C đã trộm 08 thanh thép phi 12, 14, 18 có độ dài khác nhau, sau khi trộm cắp xong bị cáo C đem đến bán cho anh C, khi đến bán thì bị cáo nói với anh C là thép thừa nên đem đi bán, nghe vậy anh C nhất trí mua với giá 120.000đ. Theo kết quả định giá 08 thanh thép này có trị giá là 807.000đ.

Lần thứ 6: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 08/11/2019 sau khi chờ cho các thợ xây về hết bị cáo C tiếp tục lấy trộm 07 thanh sắt phi 12, 14, 18 có độ dài khác nhau đem đến bán cho anh C với giá 120.000đ. Theo kết quả định giá 07 thanh sắt này có trị giá là 448.000đ.

Lần thứ 7: Vào khoảng 4 giờ 30 phút, ngày 09/11/2019 bị cáo C đã đến công trình xây dựng của nhà ông G tiếp tục trộm cắp sắt thép. Khi đến C trộm 12 thanh thép phi 12, 14, 18 rồi lấy dây thép li bó lại. Sau khi chuẩn bị đem bó thép này đi tiêu thụ thì bị anh Lê Đình N là chủ thầu xây dựng nhà cho ông G phát hiện bắt quả tang. Theo kết quả định giá thì 12 thanh thép phi 12, 14, 18 này có trị giá là 820.000đ.

Số tiền bị cáo Trương Văn C bán sắt thép do trộm cắp được mà có bị cáo đã dùng mua ma túy sử dụng hết.

Vật chứng vụ án: 01 cuộn thép phi 8, gồm 08 vòng cuộn vào nhau, 01 cuộn thép phi 6, gồm 25 vòng cuộn vào nhau, 01 lưỡi cưa đá bằng sắt có đường kính 1,4

m, 01 lưới cửa đá bằng sắt có đường kính 1,2m bị khuyết, 31 thanh thép phi 18, 12, 14 dài ngắn khác nhau, 01 xe máy nhãn hiệu ANDZO (có võ xe nhãn hiệu Wave) biển kiểm soát 37X3-8782 xe đã qua sử dụng, đã bị hư hỏng nhiều bộ phận thu của bị cáo Trương Văn C.

Thu của bị cáo Trương Văn C số tiền 1.040.000đ, số tiền này bị cáo bán sắt thép cho anh Trần Văn C mà có.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 64/KL-HĐĐG ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Q kết luận: Tổng trị giá tài sản mà bị cáo Trương Văn C chiếm đoạt là 7.131.000đ (bảy triệu, một trăm ba một nghìn).

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt bị cáo Trương Văn C từ 06 tháng cho đến 9 tháng tù.

Vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã trả cho bị hại đúng theo quy định của pháp luật. Chiếc xe máy thu của bị cáo Trương Văn C là phương tiện phạm tội mà cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lê Văn G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo C bồi thường gì nữa nên không xem xét.

Anh Trần Văn C yêu cầu bị cáo Trương Văn C trả lại số tiền 1.040.000đ đã mua số sắt thép do C trộm cắp mà có, yêu cầu của anh C là có căn cứ nên cần trả lại số tiền này cho anh C.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau

[1]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội.

Lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận số 64/ KL- HĐĐG, ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau; Bị cáo Trương Văn C

có hành vi lén lút trộm 31 thanh sắt phi 12, 14, 18 và 02 lưỡi cưa đá bằng sắt, 02 cuộn sắt phi 6, 8 của ông Lê Văn G có tổng trị giá là 7.131.000đ (*bảy triệu, một trăm ba một nghìn*). Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Trương Văn C về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ.

[3]. Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo Trương Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ, đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự, trị an tại địa phương.

Bị cáo Trương Văn C tại phiên Tòa và quá trình điều tra thật thà khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo là một đối tượng nghiện ma túy, mục đích bị cáo trộm về bán để lấy tiền mua ma túy sử dụng cho thỏa cơn nghiện của mình, đây là một tệ nạn nhức nhối trong xã hội nói chung và từng địa phương nói riêng, trong một thời gian ngắn bị cáo liên lĩnh đã thực hiện nhiều lần trộm cắp, tuy nhiên chỉ một lần đủ định lượng còn các lần khác chưa đủ định lượng, chưa bị xử lý hành chính, xử lý hình sự do vậy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Vì vậy cần phải lên một mức án nghiêm đối với bị cáo là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có đủ điều kiện cải tạo tốt trở thành một con người có ích cho gia đình và xã hội.

[4]. Về vật chứng vụ án: Số sắt thép mà bị cáo Trương Văn C trộm cắp của ông Lê Văn G Cơ quan Điều tra Công an huyện Q đã trả lại cho chủ sở hữu là ông G đúng theo quy định của Pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe máy máy nhãn hiệu ANDZO (có võ xe nhãn hiệu Wave) biển kiểm soát 37X3-8782 xe đã qua sử dụng chiếc xe máy bị cáo dùng để chở thép đi bán, nhưng bị cáo đang còn sống chung với gia đình, mục đích bị cáo mua chiếc xe này làm phương tiện để đi lại, sinh hoạt trong cuộc sống. Do vậy cần trả chiếc xe máy lại cho bị cáo Trương Văn C.

Đối với số tiền mà bị cáo bán sắt thép trộm cắp cho anh Trần Văn C mà có là 1.040.000đ, số tiền này bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra, hiện nay đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An, cần tuyên trả cho anh Trần Văn C là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn G đã nhận lại tài sản đầy đủ cho nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

Đối với anh Trần Văn C mua số sắt thép, lưỡi cưa đá bằng sắt của bị cáo Trương Văn C do trộm cắp mà có, nhưng anh C không biết đây là tài sản do trộm cắp và anh C cũng không có hứa hẹn gì với bị cáo và số thép này anh C đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra đầy đủ, do vậy không có cơ sở xử lý, nên Hội đồng không xem xét.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Trương Văn C, không xác định được họ tên tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trương Văn C phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.
- Xử phạt bị cáo Trương Văn C: **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2019.

Vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS, trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu ANDZO (có vỏ xe nhãn hiệu Wave) biển kiểm soát 37X3-8782 xe đã qua sử dụng cho bị cáo Trương Văn C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An, trả lại cho anh Trần Văn C số tiền 1.040.000đ(*Một triệu, không trăm bốn mươi nghìn*) theo biên lai thu tiền số 0006669 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Trương Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận

- PGĐ kiểm tra TA Tỉnh Nghệ An.
- VKSND huyện Q.
- Công an huyện Q.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã T
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An.
- Chi cục THADS huyện Q.
- Lưu hồ sơ vụ án .

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐÀO VĂN ĐẠT